BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18/2021/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2021*

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, nộp phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 124/2020/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; Nghị quyết số 129/NQ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về Phiên họp thường kỳ tháng 8 năm 2020; Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 10344/VPCP-KTTH ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc rà soát để giảm phí, lệ phí để tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, nộp phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự.

Điều 1. Mức thu, nộp phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự

Doanh nghiệp khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự nộp phí như sau:

1. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021, nộp phí bằng 90% mức thu phí quy định tại Mục I và Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 249/2016/TT-BTC ngày 11

tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

2. Trong thời gian có hiệu lực của Thông tư này, không nộp phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự theo mức thu phí quy định tại Mục I và Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 249/2016/TT-BTC.

3. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 trở đi, nộp phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự theo mức thu phí quy định tại Thông tư số 249/2016/TT-BTC.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Các nội dung về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; người nộp phí; tổ chức thu phí; mức thu phí; kê khai, nộp phí; quản lý, sử dụng phí và các nội dung khác liên quan không quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 249/2016/TT-BTC, Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN thành phố Hà Nội;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai